

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/LĐ-PT

Ngày: 18/4/2019

V/v tranh chấp do đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 06/2019/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường DX 015, khu phố 7, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Doãn H là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh NVL, địa chỉ: Đại lộ BD, khu phố 1, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần XNK HS; địa chỉ: Đường D4, khu công nghiệp PG, khu phố 4, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Phụng H, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường XVNT, Phường 26, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2018); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường DX 015, khu phố 7, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là nguyên đơn trong vụ án; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày: Ngày 22/5/2003, ông T ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần XNK HS (sau đây gọi tắt là Công ty Cổ phần HS), cụ thể: Mức lương tăng hàng năm đến năm 2016 là 7.950.000 đồng; thời gian làm việc từ 07 giờ sáng hôm nay đến 07 giờ sáng hôm sau; 01 tháng làm việc 15 ngày; công việc: Bảo vệ.*

Ông T làm việc xuyên suốt tại Công ty Cổ phần HS từ ngày 22/5/2003 đến tháng 06/2006 thì được Công ty Cổ phần HS thông báo sẽ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên. Từ đó, Công ty Cổ phần HS đã trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng tháng theo tỷ lệ vào lương của ông T. Ông T ký kết hợp đồng lao động, tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhưng ông T không được giữ bất kỳ giấy tờ gì, kể cả thẻ bảo hiểm y tế để khám, chữa bệnh. Trước ngày 01/01/2013, Công ty Cổ phần HS phát lương bằng tiền mặt nên ông T không có phiếu lương để chứng minh thời gian ông T đã làm việc từ ngày 22/5/2003, nhưng ông T có sổ hạch toán chi tiết tài khoản của ông T tại Ngân hàng từ ngày 01/01/2013 đến khi ông T nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần HS, ông T không có vi phạm nội quy và không bị xử lý kỷ luật, nhưng đến ngày 12 tháng 01 năm 2017 thì Công ty đột ngột buộc ông T phải thôi việc, Công ty chỉ trả lương tháng cuối cùng cho ông T. Do lớn tuổi nên kể từ ngày bị Công ty Cổ phần HS cho thôi việc đến nay, ông T vẫn đang thất nghiệp.

Ông T làm đơn khiếu nại, tại “*Biên bản làm việc*” ngày 03/10/2017 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Công ty Cổ phần HS đã đồng ý với đề nghị của ông T là giải quyết 100% tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T và hỗ trợ cho ông T hai tháng tiền lương chậm nhất là ngày 15/10/2017 (bút lục số 10) nhưng Công ty không thực hiện. Ngày 03/12/2017, ông T tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương thì được hướng dẫn khởi kiện (bút lục 08, 09, 12). Nhận thấy, Công ty Cổ phần HS đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên ông T khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả cho ông T các khoản: Tiền lương những ngày không được làm việc (tính từ ngày 12/01/2017 đến ngày 12/01/2018) là 12 tháng x 7.950.000 đồng/tháng = 95.400.000 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương x 7.950.000 đồng/tháng = 15.900.000 đồng; tiền trợ cấp thôi việc do người lao động không đồng ý trở lại Công ty làm việc (từ ngày 22/5/2003 đến ngày 01/01/2017) là 13 năm 07 tháng 08 ngày, làm tròn là 14 năm, mỗi năm là ½ tháng lương x 7.950.000 đồng/tháng = 55.650.000 đồng; bồi thường 45 ngày do vi phạm thời hạn báo trước (một tháng ông T làm việc 15 ngày) là 45 ngày x 7.950.000 đồng/tháng : 15 ngày = 23.850.000 đồng; trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (tạm tính từ ngày 22/5/2003 đến ngày 22/01/2018) là 14 năm 08 tháng x 7.950.000 đồng/tháng x 21% = 293.832.000 đồng. Tổng cộng là 550.040.000 đồng.

Ông T xác định: Trong quá trình làm việc, Công ty có thay đổi trụ sở và tên gọi gồm: Công ty Cổ phần XNK HS; Công ty TNHH HS và Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T yêu cầu Công ty Cổ phần HS phải bồi thường cho ông T các khoản: Tiền lương những ngày không được làm việc (từ ngày 12/01/2017 đến ngày 21/11/2018) là 22 tháng 10 ngày x 7.950.000 đồng/tháng = 180.200.000 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương là 15.900.000 đồng; tiền trợ cấp thôi việc do người lao động không đồng ý trở lại làm việc (tính từ ngày 22/5/2003 đến ngày 01/01/2017) là 13 năm 07 tháng, làm tròn là 14 năm với số tiền là

55.650.000 đồng; bồi thường 45 ngày làm việc do vi phạm thời hạn báo trước là 23.850.000 đồng; trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (từ ngày 22/5/2003 đến ngày 21/11/2018) là 15 năm 06 tháng = 325.314.000 đồng; số tiền Công ty thu của người lao động nhưng không đóng bảo hiểm xã hội là 66.780.000 đồng; tiền lãi trên số tiền Công ty thu của người lao động để đóng BHXH nhưng không đóng là 14.691.600 đồng. Tổng cộng là 682.385.600 đồng.

* *Tại tờ khai ngày 17/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Phụng H trình bày:* Công ty TNHH HS (sau đây gọi tắt là Công ty HS) đăng ký thành lập lần đầu ngày 09/4/2001, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000198, trụ sở: Ấp 5, xã PM, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố 5, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương); đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/11/2010 với tên mới là Công ty TNHH HA Bình Dương, địa chỉ: Khu phố 1, phường HP, thị xã (nay là thành phố) TDM, tỉnh Bình Dương; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23/12/2015 với tên mới là Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương, địa chỉ: Khu phố 1, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Công ty Cổ phần XNK HS (sau đây gọi tắt là Công ty Cổ phần HS) đăng ký thành lập lần đầu ngày 02/7/2004, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000115, trụ sở: Tổ 39, ấp 5, xã PM, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố 5, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương); đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/12/2013, trụ sở: Đường D4, Khu công nghiệp PG, khu phố 4, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (bút lục 88).

Ông Phạm Văn T không làm việc cho Công ty Cổ phần HS từ ngày 22/5/2003, vì thời điểm này Công ty chưa được thành lập. Ông T chỉ làm việc cho Công ty Cổ phần HS 02 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Từ ngày 01/11/2008 đến ngày 31/7/2012; Công ty có ký hợp đồng lao động với ông T nhưng đã bị thất lạc hợp đồng.

Đợt 2: Từ ngày 15/7/2014 đến ngày 31/12/2016, theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 15/7/2014.

Tổng thời gian ông T làm việc cho Công ty Cổ phần HS là 06 năm 02 tháng. Ngoài thời gian trên, ông T làm việc cho Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty HA).

Trong quá trình làm việc tại Công ty Cổ phần HS, ngày 12/01/2017 ông T bị lập biên bản về việc “không nghe sự chỉ đạo, không chấp hành ca trưởng, không nhận thức trong công việc” và giao cho Tổ trưởng Tổ bảo vệ xử lý. Sau đó, ông T tự ý không đến Công ty làm việc. Công ty Cổ phần HS không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T mà do ông T tự ý nghỉ việc nên Công ty không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông T. Riêng về tiền bảo hiểm xã hội, Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho ông T đến tháng 7/2010 nên Công ty chỉ đồng ý thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho ông T, như sau:

Trước năm 2014: Mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội là 1.542.583 đồng; số năm đóng bảo hiểm xã hội là 02 năm; số tháng được hưởng bảo hiểm xã hội là $2 \times 1,5 = 03$ tháng; mức hưởng bảo hiểm xã hội là: $03 \text{ tháng} \times 1.542.583 \text{ đồng/tháng} = 4.627.749 \text{ đồng}$.

Sau năm 2014: Mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội là 3.402.600 đồng; số năm đóng bảo hiểm xã hội là 2,5 năm; số tháng được hưởng bảo hiểm xã hội là 2,5

x 2 = 5 tháng; mức lương hưởng bảo hiểm xã hội là: 05 tháng x 3.402.600 đồng/tháng = 17.013.000 đồng.

Tổng cộng, mức hưởng bảo hiểm xã hội của ông T là 21.640.749 đồng; ngày 02/6/2017, ông T đã ứng của Công ty số tiền 9.437.400 đồng nên Công ty sẽ chi trả thêm cho ông T số tiền bảo hiểm xã hội là 12.203.349 đồng.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TDM đã áp dụng khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 244, 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 15, Điều 41, Điều 43 của Bộ luật Lao động; Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn Công ty Cổ phần XNK HS về việc *“Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”*.

2. Công ty Cổ phần XNK HS có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho ông Phạm Văn T trong thời gian ông Phạm Văn T làm việc tại Công ty Cổ phần XNK HS.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/12/2018, nguyên đơn ông T có đơn kháng cáo với lý do: Quyết định của bản án sơ thẩm không đúng, không khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc Công ty Cổ phần HS thanh toán cho ông T số tiền tạm tính là 682.385.600 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Công ty TNHH HS và Công ty Cổ phần HS là hai doanh nghiệp nhưng cùng chung thành viên góp vốn, chung số điện thoại giao dịch, chung số Fax và chung trụ sở nên làm cho người lao động nhầm tưởng. Do Công ty Cổ phần HS ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông T nên ông T khởi kiện Công ty Cổ phần HS. Riêng việc kiện Công ty TNHH HS, ông T sẽ tính toán sau. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ nhưng không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; không đưa Công ty TNHH HS (nay là Công ty Cổ phần HA Bình Dương) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ quá trình làm việc của ông T tại hai Công ty như thế nào là thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố TDM để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TDM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi Tòa án nhân dân thành phố TDM đưa vụ án ra xét xử theo Bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 26/11/2018, ngày 06/12/2018 ông T có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông T xác định vào làm việc tại Công ty Cổ phần HS từ ngày 22/5/2003, hai bên có ký kết hợp đồng lao động, mức lương tăng hàng năm đến năm 2016 là 7.950.000 đồng; thời gian làm việc từ 07 giờ sáng hôm nay đến 07 giờ sáng hôm sau; 01 tháng làm việc 15 ngày; công việc là Bảo vệ nhưng ông T không được Công ty giao một văn bản nào. Đến tháng 01 năm 2017, Công ty buộc ông T nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường các khoản như đã nêu ở phần trình bày với tổng số tiền 682.385.600 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần HS cho rằng: Thời điểm ngày 22/5/2003, Công ty Cổ phần HS chưa thành lập; ông T chỉ làm việc cho Công ty Cổ phần HS 02 đợt, cụ thể: Đợt 1 từ ngày 01/11/2008 đến ngày 31/7/2012, hai bên có ký hợp đồng lao động nhưng đã bị thất lạc; đợt 2 từ ngày 15/7/2014 đến ngày 31/12/2016 theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 15/7/2014; tổng thời gian ông T làm việc cho Công ty là 06 năm 02 tháng. Ngoài thời gian trên thì ông T làm việc cho Công ty TNHH HS (nay là Công ty HA). Quá trình làm việc tại Công ty Cổ phần HS, ông T bị lập Biên bản ngày 12/01/2017 về việc “*không nghe sự chỉ đạo, không chấp hành ca trưởng, không nhận thức trong công việc*” và giao cho Tổ trưởng Tổ bảo vệ xử lý nên ông T tự ý không đến Công ty làm việc; Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T đến tháng 7 năm 2010 nên Công ty chỉ đồng ý thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho ông T, cụ thể: Trước năm 2014, mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông T là 1.542.583 đồng, số năm đóng bảo hiểm xã hội là 02 năm, số tháng hưởng bảo hiểm xã hội là $2 \times 1,5 = 03$ tháng $\times 1.542.583$ đồng/tháng = 4.627.749 đồng; sau năm 2014, mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông T là 3.402.600 đồng, số năm đóng bảo hiểm xã hội là 2,5 năm, số tháng được hưởng bảo hiểm xã hội là $2,5 \times 2 = 05$ tháng $\times 3.402.600$ đồng/tháng = 17.013.000 đồng; tổng cộng tiền bảo hiểm xã hội của ông T là 21.640.749 đồng; ngày 02/6/2017, ông T đã ứng của Công ty số tiền 9.437.400 đồng nên Công ty sẽ trả thêm cho ông T số tiền 12.203.349 đồng.

[4] Người làm chứng ông Nguyễn VT xác định: Ông VT làm việc xuyên suốt tại Công ty Cổ phần HS từ tháng 12 năm 2003 đến tháng 11 năm 2016, lúc đầu Công ty có tên gọi là Công ty TNHH HS, địa chỉ tại ấp 5, xã PM, thị xã TDM; sau đó, do quy hoạch giải tỏa nên Công ty thay đổi địa chỉ như hiện nay là Đường D4, Khu công nghiệp PG, khu phố 4, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương và lấy tên là Công ty Cổ phần XNK HS; thời điểm ông VT vào làm việc thì ông T đã làm bảo vệ của Công ty khoảng vài tháng, lý do vì sao ông T nghỉ việc thì ông VT không biết (bút lục 126, 127). Người làm chứng ông Tạ Phúc Th xác định: Ông Th làm bảo vệ tại

Công ty Cổ phần XNK HS từ tháng 10/2007 đến ngày 11/4/2017 thì nghỉ việc; lúc ông Th vào làm việc thì Công ty có tên là Công ty TNHH HS, địa chỉ tại ấp 5, xã PM, thị xã TDM; sau đó, Công ty thay đổi địa chỉ như hiện nay là Đường D4, Khu công nghiệp PG, khu phố 4, phường HP, thành phố TDM và lấy tên là Công ty Cổ phần XNK HS; thời điểm ông Th vào làm việc thì ông T đã là bảo vệ của Công ty nhưng ông Th không biết ông T vào làm việc từ thời gian nào (bút lục 123, 124).

[5] Qua xem xét các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần XNK HS (bút lục 59-60 và 81), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương (bút lục 82-83), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH HA Bình Dương (bút lục 84), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH HS (bút lục 86), Hợp đồng lao động không thời hạn ngày 15/7/2014 giữa Công ty Cổ phần XNK HS với ông Phạm Văn T (bút lục 64-65) và Hợp đồng lao động 12 tháng từ ngày 01/8/2012 đến ngày 01/8/2013 giữa Công ty CP XNK HA Bình Dương với ông Phạm Văn T (bút lục 71) do người đại diện hợp pháp của bị đơn cung cấp, nhận thấy: Giữa hai Công ty trên đều có chung thành viên góp vốn là ông Nguyễn Nhật Tr và ông Trần Ngọc H; thời điểm mới thành lập (ngày 02/7/2004) thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH HS - ông Nguyễn Nhật Tr cũng chính là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần XNK HS (bút lục 142 và 157). Cả hai Công ty trên đều có cùng địa chỉ tại ấp 5, xã PM, thị xã TDM (nay là phường PM, thành phố TDM); có cùng số điện thoại: 0650.839263 và số Fax: 0650.839667; trên 02 hợp đồng lao động do 02 Công ty ký với ông T đều có chung số điện thoại: 0650.589396. Vậy mối quan hệ giữa Công ty TNHH HS (nay là Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương) với Công ty Cổ phần XNK HS như thế nào? Nguyên nhân vì sao có các điểm chung như trên? Lí do vì sao người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần XNK HS lại có các giấy tờ pháp lý của Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương và hợp đồng lao động giữa Công ty CP XNK HA Bình Dương với ông Phạm Văn T đề cung cấp cho Tòa án? Những vấn đề mâu thuẫn trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh, làm rõ? Trong khi ông T và những người làm chứng đều xác định: Ông T vào làm việc tại Công ty TNHH HS nay đổi tên thành Công ty Cổ phần XNK HS từ ngày 22/5/2003 cho đến khi bị nghỉ việc, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH HS (nay là Công ty Cổ phần XNK HA Bình Dương) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đối chất, làm rõ quá trình làm việc của ông T tại các Công ty trên nhằm xác định trách nhiệm của từng Công ty đối với chế độ trợ cấp thôi việc của ông T? Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Công văn số 427/ĐKKD ngày 11/7/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh để xác định 02 Công ty trên là khác nhau và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không có căn cứ vững chắc, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của người lao động (*tiền trợ cấp thôi việc của ông T từ ngày 22/5/2003 đến tháng 5/2006 và từ ngày 01/8/2012 đến ngày 14/7/2014 theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động như thế nào?*).

[6] Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động*”, Công ty cho rằng: Ngày 12/01/2017, ông T bị lập biên bản về việc “*không nghe sự chỉ đạo, không chấp hành ca trưởng, không nhận thức trong công việc*” và giao cho Tổ trưởng Tổ bảo vệ xử lý nên ông T tự ý không đến Công ty làm việc. Vậy Công ty có tiến hành thông báo yêu cầu ông T quay trở lại Công ty làm việc hay không? Công ty có tiến hành xử lý kỷ luật lao động đối với ông T theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Lao động hay

không? Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các vấn đề trên mà xác định “ông T cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông T bị Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật” nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Công ty Cổ phần XNK HS có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho ông Phạm Văn T trong thời gian ông Phạm Văn T làm việc” nhưng không xác định rõ thời gian, mức lương cụ thể để làm căn cứ truy đóng đóng bảo hiểm xã hội là khó khăn cho việc thi hành án.

[8] Từ những phân tích tại mục [4], [5], [6] và [7] nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T, hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố TDM để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Quan điểm của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Phạm Văn T không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T.

Hủy Bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố TDM để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí lao động phúc thẩm: Ông Phạm Văn T không phải nộp và được miễn theo quy định.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố TDM;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã ký)